

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 415/2022/DS-ST

Ngày: 15 /9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Ông Đỗ Quang Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2021, về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2022/QĐXXST-DS ngày 03/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1976 (đương sự có mặt);

2/ Ông Lê Hữu H, sinh năm: 1976 (đương sự vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số X D1 khu dân cư Y, Phường K, Quận H, Thành phố M.

2. Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1977;

2/ Ông Ngô Tấn T, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Số nhà Z đường F, Phường K, Quận H, Thành phố M.

(đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/8/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng C, Ông Lê Hữu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T là khách hàng mua hàng là các loại nước giải khát của Bà C và Ông H từ ngày 13/7/2018, nhưng thường xuyên nợ tiền,

khi thực hiện giao dịch mua bán hàng, hai bên chỉ lập sổ hàng ghi lại số lượng hàng hoá, số tiền hàng, sổ này do phía bên Bà C và Ông H ghi. Vì vậy đến ngày 26/7/2019, hai bên đã chốt tiền hàng còn thiếu và làm giấy vay tiền (đề ngày 01/8/2019) là 1.200.000.000 đồng, do không hiểu rõ quy định của pháp luật nên hai bên đã ghi là giấy vay tiền và có thoả thuận tiền lãi theo mức lãi suất vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, thực chất giấy vay tiền ngày 01/8/2019 là giấy xác nhận nợ tiền hàng còn thiếu của Bà P và Ông T và cam kết thời hạn trả nợ, trả lãi do chậm thanh toán. Thực tế Bà C và Ông H không cho Bà P và Ông T vay tiền. Trong giấy vay tiền có thoả thuận thời hạn vay từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/8/2020. Hai bên thoả thuận lãi suất phải thanh toán mỗi tháng là 24.000.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi phải thanh toán 12 tháng là 1.488.000.000 đồng (thực chất tiền lãi này là số tiền lãi do chậm thanh toán). Ngoài ra, Bà P và Ông T còn nợ tiếp tiền hàng phát sinh đến ngày 14/8/2019 là 161.560.000 đồng. Sau khi làm giấy vay tiền ngày 01/8/2019 thì Bà P và Ông T không trả được cho Bà C và Ông H tháng tiền lãi nào. Bà C và Ông H đã nhiều lần yêu cầu Bà P và Ông T trả nợ tiền hàng và lãi như đã thoả thuận nhưng không có kết quả gì. Vì vậy, Bà C và Ông H khởi kiện yêu cầu Bà P và Ông T phải trả lại số tiền hàng còn thiếu và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Cụ thể, như sau:

+ Yêu cầu Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T phải trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc, thực chất là số tiền nợ tiền hàng, tổng cộng là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng. Về mức lãi suất của số tiền lãi do chậm trả, Bà C và Ông H xin được tính lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể, yêu cầu Bà P và Ông T phải trả số tiền lãi do chậm trả tính kể từ ngày 01/8/2019 với mức lãi suất là 20%/năm cho đến khi thanh toán nợ xong.

+ Bà C và Ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Bà P và Ông T trả số tiền hàng còn thiếu phát sinh đến ngày 14/8/2019 là 161.560.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà C vẫn giữ yêu cầu, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Hồng P, Ông Ngô Tấn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà P và Ông T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn Ông Lê Hữu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3] Xét thấy, đây là tranh chấp phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá giữa các bên đương sự, vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này cần xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản. Do bị đơn Bà Nguyễn Thị Hồng P, Ông Ngô Tấn T có nơi cư trú cuối cùng tại Quận H, Thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố M theo qui định tại Điều 26, 35, 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về các yêu cầu của đương sự:

[4] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng C, Ông Lê Hữu H yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T phải trả lại toàn bộ số nợ tiền hàng, tổng cộng là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng và số tiền lãi do chậm trả theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán nợ xong, cụ thể là 20%/năm, tính kể từ ngày 01/8/2019.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, lời khai của người làm chứng đã có đủ cơ sở xác định giữa hai bên có thực hiện giao dịch mua bán hàng hoá là các loại nước giải khát, tuy không có hợp đồng mua bán cụ thể nhưng khi thực hiện giao dịch, hai bên có lập sổ hàng ghi lại số lượng hàng hoá, số tiền hàng; sổ này do phía bên bán lập và ghi; đến ngày 26/7/2019, hai bên cùng lập giấy vay tiền đề ngày 01/8/2019 để chốt số nợ tiền hàng còn thiếu là 1.200.000.000 đồng, phía nguyên đơn cũng xác định do không hiểu rõ quy định của pháp luật nên đã ghi là giấy vay tiền, thực chất giấy vay tiền ngày 01/8/2019 là giấy xác nhận nợ tiền hàng còn thiếu của Bà P và Ông T và cam kết thời hạn trả nợ và trả lãi do chậm thanh toán.

[6] Xét trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt, tuy nhiên, căn cứ vào nội dung của Sổ hàng; Giấy vay tiền ngày 01/8/2019 do nguyên đơn cung cấp, có đầy đủ chữ ký của hai bên và người làm chứng. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để xác định Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T còn nợ của nguyên đơn số tiền hàng là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã thoả thuận. Tại toà, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm trả với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể là lãi suất 20%/năm của số tiền hàng chưa thanh toán tính kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Xét yêu cầu tính lại mức lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật, mặt khác, cũng có lợi cho bị đơn. Do vậy, cần buộc Bà P và Ông T phải trả lại cho Bà C và Ông H toàn bộ số nợ tiền hàng còn thiếu là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh trên số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng tính kể từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử

theo mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể, số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng:

$1.200.000.000đ \times 1.66\%/tháng\% \times 37 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 746.336.000 \text{ đồng}$

[7] Như vậy, tổng số tiền Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T phải thanh toán cho Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H là 1.946.336.000đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Xét trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Bà P và Ông T trả số tiền hàng còn thiếu phát sinh đến ngày 14/8/2019 là 161.560.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng là 3.685.100đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.390.080đ (Bảy mươi triệu ba trăm chín mươi ngàn không trăm tám mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H.

Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T thanh toán cho Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H số tiền là 1.946.336.000đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H về việc yêu cầu Bà P và Ông T trả số tiền hàng còn thiếu phát sinh đến ngày 14/8/2019 là 161.560.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng cộng là 3.685.100đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H về việc chịu toàn bộ chi phí cho việc Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H đã nộp đủ chi phí.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T phải chịu là 70.390.080đ (Bảy mươi triệu ba trăm chín mươi ngàn không trăm tám mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng C và Ông Lê Hữu H không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.743.400đ (Ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0032512 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hữu H, Bà Nguyễn Thị Hồng P và Ông Ngô Tấn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho Ông H, Bà P và Ông T hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh

